

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**TÊN NGÀNH: PLOY TẾ CÔNG CỘNG
(PUBLIC HEALTH)**

MÃ NGÀNH: 7720701

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

Cần Thơ, năm 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo: Y tế công cộng – Public Health

2. Mã ngành đào tạo: 7720701

3. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Y tế công cộng

4. Thời gian đào tạo: 8 học kỳ (có thể học vượt rút ngắn thời gian đào tạo hoặc kéo dài thời gian đào tạo nhưng không quá 04 học kỳ)

5. Ngày ban hành: 01/08/2019

6. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân Y tế công cộng có y đức, sức khỏe, có kiến thức về khoa học cơ bản, khoa học xã hội, y học cơ sở, Y tế công cộng để tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng; có khả năng tự học vươn lên phát triển hội nhập và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

7. Chuẩn đầu ra

PLO1. Tuân thủ chính sách pháp luật và có trách nhiệm với xã hội.

PLO2. Ứng dụng ít nhất một ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong giao tiếp, thu thập thông tin và thực hành nghề nghiệp.

PLO3. Có sức khỏe và phát triển được năng lực tự học, tự nghiên cứu, các kỹ năng mềm để thực hiện và phát triển nghề nghiệp.

PLO4. Xác định và quản lý được các yếu tố tác động đến sức khỏe của cộng đồng.

PLO5. Quản lý được các vấn đề sức khỏe trong lĩnh vực y tế công cộng

PLO6. Triển khai và đánh giá được hiệu quả các chương trình y tế.

PLO7. Thực hiện được công tác thống kê trong lĩnh vực y tế

PLO8. Tổ chức, thực hiện được hoạt động tư vấn, giáo dục và nâng cao sức khỏe.

PLO9. Thực hiện công tác quản lý chất lượng y tế, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực y tế công cộng, phát triển cộng đồng.

8. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của bộ giáo dục và đào tạo và theo đề án tuyển sinh hàng năm của trường

9. Cấu trúc chương trình dạy-học

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
	Kiến thức giáo dục đại cương	43	36	7	
	Kiến thức chung	32	28	4	
CB0301	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0302	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0304	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	0	H: PLO1 S: PLO2,3,4,5,6,7,8,9
CB0101	Anh văn chuyên ngành I	2	2	0	H: PLO2,3

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
					S: PLO1,4,5,6,7,8,9
CB0103	Anh văn chuyên ngành II	3	3	0	H: PLO2,3 S: PLO1,4,5,6,7,8,9
CB0104	Anh văn chuyên ngành III	3	3	0	H: PLO2,3 S: PLO1,4,5,6,7,8,9
CB0405	Tin học đại cương	2	1	1	H: PLO2 S: PLO1,3,4,5,6,7,8,9
CB0503	Giáo dục thể chất	3	1	2	S: PLO1,2,4,5,6,7,8
QP0006	Giáo dục quốc phòng – An ninh I	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0007	Giáo dục quốc phòng – An ninh II	2	2	0	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0008	Giáo dục quốc phòng – An ninh III	3	2	1	H: PLO1 S: PLO2,3
QP0009	Giáo dục quốc phòng - An ninh IV	1	1	0	H: PLO1 S: PLO2,3
	Kiến thức cơ sở khối ngành	11	8	3	
CB0401	Xác suất – Thống kê y học	2	2	0	H: PLO2,3 S: PLO1,7,9
CB0205	Hóa học	2	1	1	H: PLO3 S: PLO1,2,4,5,6,7,8,9
CB0502	Sinh học và di truyền	2	1	1	H: PLO3 S: PLO1,2,4,6,8
CB0404	Vật lý và Lý sinh	2	1	1	H: PLO5 S: PLO1,2,3,4,6,7,8,9
YT0121	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	0	H: PLO4,9 S: PLO1,2,3,5
YT0401	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	0	H: PLO5,8 S: PLO1,2,3,4,6,9
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	98	60	38	
	Kiến thức cơ sở của ngành	22	14	8	
YY0104	Giải phẫu	3	2	1	H: PLO3,4,5,6,8 S: PLO1,2,7,9
YY0404	Sinh lý	3	2	1	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YY0602	Hóa sinh	3	2	1	S: PLO1,2,3,4,5,6,8,9
YY0702	Vi sinh	2	1	1	H: PLO4,5,6,8 S: PLO1,2,3,9
YY0802	Ký sinh trùng	2	1	1	H: PLO5,6,8 S: PLO1,2,3,4,9
YY0501	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	1	S: PLO1,2,3,4,5,8,9
YY0002	Các bệnh thông thường 1	3	2	1	H: PLO2,4,5,8 S: PLO1,3,6,7,9
YY0003	Các bệnh thông thường 2	3	2	1	H: PLO2,4,5,8 S: PLO1,3,6,7,9
	Kiến thức chuyên ngành	63	41	22	
YT0420	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	0	H: PLO1,7,9

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
					S: PLO2,3,4,5,6,8
DD0101	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	S: PLO1,2,3,4,5,6,8,9
YT0004	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản	2	2	0	S: PLO1,2,3,4,5,6,9
YT0005	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	0	H: PLO5,9 S: PLO1,2,4,6,8
YT0113 YT0114	Kế hoạch y tế	3	2	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,7,8,9
YT0127	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	0	H: PLO4,5,6 S: PLO1,2,3
YT0403	Chính sách y tế	2	2	0	H: PLO1,6,9 S: PLO2,3,4,5,7,8
YT0103	Dịch tễ học cơ bản	2	2	0	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,9
YT0213 YT0214	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,7,8,9
YT0321	Y học đối phó với thảm họa	1	1	0	H: PLO5,8 S: PLO1,2,3,4,6,7
YT0313 YT0314	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,7,8,9
YT0317 YT0318	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2	1	1	H: PLO4,8 S: PLO1,2,3,5,6,7,9
YT0414 YT0415	Nâng cao sức khỏe	3	2	1	H: PLO6,8 S: PLO1,2,3,4,5,7,9
YT0207	Sức khỏe sinh sản	2	2	0	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YT0204	Dân số và phát triển	2	2	0	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,9
YT0501	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	2	1	1	H: PLO4,5,8 S: PLO1,2,3,6,7,9
YY1402	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	1	H: PLO5,8,9 S: PLO1,2,3,4,6,7
YT0416	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	0	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,8,9
YT0119 YT0120	Nghiên cứu định tính	2	1	1	H: PLO4 S: PLO1,2,3,5,6,8,9
YT0006	Thực tập cộng đồng I	2	0	2	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,9
YT0008	Thực tập cộng đồng II	2	0	2	H: PLO8 S: PLO1,2,3,4,5,6,7,9
YY2601	Y học gia đình	2	1	1	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YT0013	Thực tập cộng đồng III	3	0	3	H: PLO4,5,6,7,8 S: PLO9
YT0106 YT0107	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm	3	2	1	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,6,7,8
YT0104 YT0105	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	1	1	H: PLO4,5 S: PLO1,2,3,6,9

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mức độ đóng góp vào CDR(*)
		TC	LT	TH	
YT0311 YT0312	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	1	H: PLO6 S: PLO1,2,3,4,5,7,8
YT0209 YT0210	Thống kê dân số y tế	2	1	1	S: PLO1,2,3,6,7,9
YT0220 YT0221	Truyền thông về dân số-Kế hoạch hóa gia đình	2	1	1	H: PLO8 S: PLO1,2,3,4,6,9
YT0205	Chính sách dân số	2	2	0	S: PLO1,2,3,5,6,8,9
	Kiến thức tự chọn	10	2	8	
	Nhóm 1: Y tế dự phòng, DDVSATTP và SKMT				
YT0130	Tiêm chủng mở rộng và vắc xin trong công tác phòng chống dịch bệnh	5	1	4	H: PLO4,5,6,7,8 S: PLO1,2,3,9
YT0515	Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm và Sức khỏe môi trường	5	1	4	H: PLO4,5,6,8 S: PLO1,2,3,7,9
	Nhóm 2: TTGDSK-SKSS và HIV/AIDS				
YT0425	Truyền thông giáo dục sức khỏe	5	1	4	H: PLO6,8 S: PLO1,2,3,4,5,7,9
YT0222	Dân số KHHGD - Sức khỏe sinh sản – HIV/AIDS	5	1	4	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
YT0002	Kiến thức chuyên ngành tổng hợp	3	3	0	S: PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9

10. Mô tả học phần

1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin I (triết học)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật chung nhất của thế giới, về vị trí và vai trò của con người trong thế giới. Học phần này cung cấp những kiến thức về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nội dung học phần sẽ hình thành thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động thực tiễn của chủ thể nhận thức.

2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin II (Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học)

Đây là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu những quy luật kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần này cung cấp những kiến thức về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu được các quy luật kinh tế chính trị và xây dựng niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đây là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc, về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Học phần giúp sinh

viên nâng cao ý thức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong học tập và cuộc sống.

4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Nội dung làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng. Học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối cách mạng do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay: Đường lối đấu tranh giành chính quyền; tiến hành các cuộc chiến tranh chống xâm lược, giành độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc; đường lối cách mạng trên các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Nội dung học phần góp phần hình thành cho người học niềm tin vào đường lối cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng.

5. Anh văn chuyên ngành I

Học phần Anh văn I thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề về xã hội, giáo dục, môi trường, mua sắm, mô tả các mối quan hệ xã hội. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp ở trình độ Sơ trung (Pre-intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu.

6. Anh văn chuyên ngành II

Học phần Anh văn II thuộc kiến thức giáo dục đại cương giới thiệu các chủ điểm liên quan đến các chủ đề về giải trí, khoa học công nghệ, thẩm mỹ, tính cách con người, tội phạm và bạo lực. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp ở trình độ Trung cấp (Intermediate), các kỹ năng giao tiếp thông dụng, cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp thông thường và tham khảo tài liệu.

7. Anh văn chuyên ngành

Học phần Anh văn chuyên ngành thuộc kiến thức giáo dục đại cương, trang bị cho sinh viên vốn từ cần thiết về các hệ của cơ thể sống, cơ chế hoạt động cơ bản của hệ và các bệnh thông thường. Nội dung học phần này giúp sinh viên có thể giao tiếp và tham khảo tài liệu y văn.

8. Tin học đại cương

Tin học là môn học cơ sở quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong y học. Học phần này bao gồm một số vấn đề cơ bản về công nghệ thông tin và máy tính. Soạn thảo văn bản hoàn chỉnh bằng phần mềm Microsoft Word; nhập và xử lý số liệu cùng các bài toán ứng dụng bằng phần mềm Microsoft Excel; thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft PowerPoint; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Nội dung học phần này sẽ là kiến thức nền tảng cho học phần tin học ứng dụng.

9. Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục thể chất thuộc kiến thức giáo dục đại cương, giúp sinh viên hiểu biết được cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao và trang bị cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản, luật thi đấu và phương pháp trọng tài của các môn bóng chuyền, bóng đá, cầu lông. Bên cạnh, học phần cũng hỗ trợ sinh viên tích cực tham gia thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao sức khỏe và thể chất cho sinh viên.

10. Giáo dục quốc phòng - An ninh I

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần trang bị kiến thức cơ bản về học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Học phần còn giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Nội dung học phần nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

11. Giáo dục quốc phòng - An ninh II

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần này cung cấp những kiến thức về phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Học phần sẽ giúp sinh viên có ý thức tự giác, có trách nhiệm tham gia công tác quốc phòng, luyện tập quân sự, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

12. Giáo dục quốc phòng - An ninh III

Giáo dục quốc phòng - an ninh là môn học thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần quân sự chung nghiên cứu những kỹ năng cơ bản về quân sự. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Học phần giúp sinh viên xây dựng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong khoa học, kỹ năng quân sự cần thiết sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

13. Giáo dục quốc phòng - An ninh IV

Giáo dục quốc phòng - an ninh IV là học phần thuộc kiến thức khoa học cơ bản. Học phần giới thiệu lịch sử, truyền thống quân, binh chủng, tổ chức lực lượng các quân, binh chủng, tham quan tìm hiểu các lịch sử, các đơn vị trong lực lượng vũ trang.

14. Xác suất thống kê y học

Học phần Xác suất - Thống kê y học là môn cơ sở của khối ngành khoa học sức khỏe. Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về xác suất phục vụ cho thống kê, các khái niệm cơ bản trong thống kê, các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu; ước lượng tham số của tổng thể bằng khoảng tin cậy đối xứng; kiểm định giả thuyết một mẫu, hai mẫu và nhiều mẫu độc lập; phân tích phương sai, phân tích hồi quy và tương quan giữa 2 biến ngẫu nhiên. Nội dung học phần làm nền tảng để giải thích ý nghĩa của các thông số khi phân tích số liệu thống kê trong nghiên cứu khoa học sức khỏe.

15. Hóa học

Hóa học là học phần cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe, cung cấp kiến thức cơ bản về: cấu tạo nguyên tử, tính chất các nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn, cấu tạo phân tử, liên kết hóa học, các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học, động hóa học, cân bằng hóa

học, dung dịch các chất không điện ly, các chất điện ly, dung dịch keo và điện hóa học, làm cơ sở để học tập các học phần tiếp theo của các ngành Cử nhân.

16. Sinh học và di truyền

Nội dung môn học mô tả các nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại nhất như sinh học phân tử, sinh học tế bào và sinh học phát triển. Đồng thời học phần còn bao quát các kiến thức về cơ sở vật chất, đặc điểm các quy luật di truyền chi phối các tính trạng người.

17. Vật lý - Lý sinh

Học phần này trang bị cho sinh viên hiểu được các quá trình, hiện tượng vật lý cơ bản xảy ra trong cơ thể sống; các nguyên lý của các ứng dụng kỹ thuật vật lý chính trong chẩn đoán và điều trị; các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

18. Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe thuộc kiến thức ngành cung cấp các kiến thức về các thiết kế nghiên cứu khoa học, đối tượng nghiên cứu, cách tính cỡ mẫu, tiêu chuẩn chọn mẫu, tiêu chuẩn loại ra, phương pháp lấy mẫu, thu thập số liệu, kiểm soát sai lệch, phân tích và xử lý số liệu, đánh giá một nghiệm pháp chẩn đoán, cách viết một đề cương nghiên cứu khoa học.

19. Tâm lý y học – Đạo đức y học

Học phần này thuộc kiến thức cơ sở khối ngành, trong đó phần tâm lý học mô tả các hiện tượng tâm lý, trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người, ứng dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế với người bệnh và đồng nghiệp. Phần đạo đức y học: trình bày các khái niệm cơ bản về đạo đức học trong y khoa, nghĩa vụ của người cán bộ y tế đối với người bệnh và xã hội, những nội dung đặc trưng của đạo đức người cán bộ y tế.

20. Giải phẫu

Giải phẫu người là học phần giới thiệu cho sinh viên biết biết vị trí và tầm quan trọng của giải phẫu học trong khối ngành khoa học sức khỏe nói chung và y học nói riêng. Sinh viên được học lý thuyết về hình thái, cấu tạo các hệ cơ quan của cơ thể người bình thường; thực hành trên mô hình, xác ướp để mô tả được vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các bộ phận, cơ quan, hệ cơ quan và mối liên quan của chúng với nhau; từ đó áp dụng kiến thức giải phẫu vào lâm sàng.

21. Sinh lý

Sinh lý học là môn học cơ sở quan trọng của y học nghiên cứu về các chức năng bình thường của cơ thể sống. Học phần này giới thiệu các vấn đề cơ bản của cơ thể sống với đơn vị sống là các tế bào, hai cơ chế điều hoà hoạt động của cơ thể là cơ chế thần kinh và thể dịch. Học phần này cũng trang bị các kiến thức cơ bản về cơ chế thực hiện chức năng và điều hoà hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Nội dung học phần sẽ làm nền tảng để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào học tập các môn lâm sàng.

22. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành, giới thiệu những kiến thức cơ bản và có hệ thống về hóa sinh bao gồm: các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của

cơ thể sống; trình bày nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường; vận dụng và liên hệ những kiến thức hóa sinh vào việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực y học. Phần hóa sinh lâm sàng sẽ trang bị cho sinh viên những vấn đề chung của hóa sinh lâm sàng như: cách trình bày kết quả xét nghiệm và ý nghĩa của các xét nghiệm hóa sinh trong lâm sàng, biện luận các kết quả hóa sinh trong máu, nước tiểu và dịch cơ thể có liên quan đến bệnh lý của các cơ quan như gan, thận,... giải thích một số rối loạn chức năng cơ quan trong cơ thể.

23. Vi sinh

Học phần Vi sinh thuộc kiến thức cơ sở ngành gồm 2 phần: Vi sinh học đại cương và Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp. Vi sinh học đại cương: trình bày đại cương về đặc điểm vi sinh học của vi sinh vật gây bệnh; mối liên hệ giữa vi sinh vật, môi trường và cơ thể; cơ chế gây bệnh của vi sinh vật và phản ứng của cơ thể đối với tình trạng nhiễm vi sinh vật; các nguyên tắc chung về chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh nhiễm vi sinh vật. Vi khuẩn, virus gây bệnh thường gặp: trình bày đặc điểm vi sinh học, tính chất kháng nguyên và miễn dịch, khả năng gây bệnh, kỹ thuật chẩn đoán, nguyên tắc phòng bệnh và điều trị các bệnh nhiễm vi sinh vật thường gặp.

24. Ký sinh trùng

Ký Sinh Trùng (KST) là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh học, bệnh lý và chẩn đoán bệnh KST phổ biến ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn giúp cho sinh viên có khả năng làm được một số xét nghiệm cơ bản để chẩn đoán bệnh KST và tư vấn cho cá nhân và cộng đồng về phòng chống bệnh KST.

25. Sinh lý bệnh - Miễn dịch học

Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch là một môn học ghép giữa hai môn Sinh lý bệnh học và Miễn dịch học. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sinh lý bệnh đại cương và sinh lý bệnh cơ quan (các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học; các quy luật hoạt động của cơ thể bệnh trong các quá trình bệnh bệnh lý; những thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương trong các bệnh lý) và miễn dịch học (kiến thức miễn dịch học đại cương, nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể và ý nghĩa của đáp ứng miễn dịch đối với cơ thể).

26. Các bệnh thông thường I

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về bệnh học; giúp sinh viên hiểu biết nguyên nhân, mối liên quan giữa môi trường và bệnh lý ở người; nhận biết các triệu chứng cơ bản trên bệnh nhân; giao tiếp, thăm khám để chẩn đoán các bệnh lý thông thường; tư vấn phương pháp phòng và điều trị một số bệnh thường gặp tại cộng đồng. Sinh viên học lý thuyết trước, sau đó thực tập lâm sàng tại khoa nội trú của bệnh viện đa khoa.

27. Các bệnh thông thường II

Học phần Bệnh thông thường II là phần tiếp theo và bổ trợ cho học phần Các bệnh thông thường I.

Nội dung gồm các vấn đề về chấn thương và những cấp cứu thường gặp tại cộng đồng; những nguyên tắc, kỹ năng sơ cấp cứu chấn thương, tai nạn và các bệnh thông thường tại cộng đồng. Sinh viên học lý thuyết trước, sau đó thực tập lâm sàng tại khoa cấp cứu của bệnh viện và Đơn vị Huấn luyện kỹ năng.

28. Tổ chức và quản lý hệ thống y tế

Nội dung bao gồm các khái niệm và các thành phần của hệ thống y tế; các nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ mạng lưới y tế Việt Nam từ trung ương đến địa phương và mối quan hệ giữa ngành y tế với các ngành liên quan trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế, lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động/chương trình y học dự phòng.

29. Điều dưỡng cơ bản

Điều dưỡng cơ bản là môn học cơ sở quan trọng nghiên cứu về các kỹ thuật điều dưỡng. Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về nhu cầu của con người và những yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về chỉ định, chống chỉ định và quy trình thực hiện một số kỹ thuật điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh. Nội dung học phần là cơ sở để sinh viên vận dụng và thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh trên lâm sàng.

30. Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý cơ bản

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học quản lý. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về quản lý, kiến thức chức năng chính của quản lý, cơ cấu tổ chức, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học quản lý, xây dựng đội hình làm việc, ra quyết định, quyền lực và sự ảnh hưởng của người quản lý. Sau khi học xong học phần này, học viên có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động quản lý ở địa phương.

31. Quản lý dịch vụ y tế

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống cung cấp dịch vụ dự phòng và khám chữa bệnh. Bao gồm các kiến thức tổng quan về y tế dự phòng và phân cấp quản lý y tế dự phòng, cách triển khai, theo dõi, đánh giá các hoạt động và kết quả công tác y tế dự phòng; các kiến thức về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh và phòng bệnh các tuyến từ trung ương đến xã; các phương pháp và công cụ đảm bảo chất lượng dịch vụ y tế.

32. Kế hoạch y tế

Nội dung gồm những khái niệm, kỹ năng và công cụ cơ bản liên quan đến lập kế hoạch để ứng dụng thực hiện chức năng, nhiệm vụ sau tốt nghiệp.

33. Quản lý tài chính và kinh tế y tế

Học phần cung cấp các kiến thức về các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh tế y tế, mối quan hệ giữa kinh tế và phát triển, các bước của quá trình phân tích chi phí, so sánh các mô hình tài chính y tế. Hướng dẫn phân tích ưu - nhược điểm của viện phí, khó khăn khi thực hiện Bảo hiểm y tế, chi phí cho một dự án, chi phí hộ gia đình cho sức khỏe, và lựa chọn can thiệp y tế dựa trên các đánh giá kinh tế y tế.

34. Chính sách y tế

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách YTCC. Nội dung của học phần bao gồm các kiến thức chung về chính sách y tế, kiến thức và kỹ năng đánh giá phân tích và điều chỉnh chính sách YTCC, Một số chính sách lớn về y tế Việt Nam hiện nay, vấn đề xã hội hóa và lồng ghép các hoạt động y tế. Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng các kiến thức đã được trang bị vào đánh giá, phân tích điều chỉnh hoạt động chính sách tại địa phương.

35. Dịch tễ học cơ bản

Học phần cung cấp các kiến thức về những khái niệm cơ bản trong đo lường bệnh trạng, đo lường sự kết hợp, nguyên lý và thiết kế cơ bản của dịch tễ học và ứng dụng của các thiết kế trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng, các khái niệm cơ bản về dịch tễ học lâm sàng, mối quan hệ giữa dịch tễ và dịch vụ y tế, chính sách y tế.

36. Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế

Học phần Phân loại bệnh tật và tử vong theo ICD – 10 thuộc Kiến thức ngành nhằm cung cấp những khái niệm cơ bản, các nguyên tắc, và các quy tắc ứng dụng trong định danh, và phân loại bệnh tật, tử vong, và các vấn đề sức khỏe khác để cho sinh viên học tập, nhằm giúp sinh viên có khái niệm về phân loại bệnh tật và tử vong. Các kiến thức về lĩnh vực phân loại bệnh tật và tử vong sẽ giúp ích cho sinh viên sau khi tốt nghiệp thực hiện thu thập các dữ liệu, phân tích các dữ liệu thu thập được và giải thích các dữ liệu có trong y văn.

37. Y học đối phó với thảm họa

Học phần Y học thảm họa cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về thảm họa và kiến thức cơ bản về quản lý thảm họa; kiến thức về hậu quả của thảm họa và phương pháp quản lý những hậu quả của thảm họa. Phần tự học: sinh viên sẽ làm việc nhóm tại giảng

đường, thư viện hay cơ sở thực địa để tham khảo các tài liệu liên quan, khảo sát thực tế và thảo luận các chủ đề đã và sẽ học.

38. Sức khỏe môi trường cơ bản

Học phần sức khỏe môi trường cơ bản sẽ giới thiệu cho người học các định nghĩa và khái niệm liên quan đến sức khỏe và môi trường, mối quan hệ giữa sức khỏe, môi trường và bệnh tật; các yếu tố nguy cơ của môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe và các biện pháp phòng.

39. Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản

Học phần sức khỏe nghề nghiệp cơ bản sẽ giới thiệu cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp; phân loại các yếu tố tác hại nghề nghiệp; nguyên nhân cơ bản gây bệnh và tai nạn thương tích nghề nghiệp.

40. Nâng cao sức khỏe

Học phần này thuộc Kiến thức ngành, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe (NCSK), hành vi sức khỏe, cách tiếp cận NCSK, các phương pháp và kỹ năng cơ bản để góp phần giải quyết vấn đề sức khỏe thông qua việc lập kế hoạch thực hiện chương trình Giáo dục và NCSK.

41. Sức khỏe sinh sản

Học phần này thuộc Kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản, các nội dung chương trình chăm sóc Sức khỏe sinh sản (SKSS) trên thế giới và Việt Nam, các kiến thức cơ bản về sức khỏe tình dục, các vấn đề SKSS ưu tiên và chính ở Việt Nam.

42. Dân số và phát triển

Học phần này thuộc Kiến thức ngành gồm 2 phần: Dân số học và Dân số và phát triển. Phần dân số học cung cấp kiến thức về qui mô, cơ cấu dân số và các biến động dân số. Phần dân số và phát triển cung cấp kiến thức về mối quan hệ, tác động qua lại giữa dân số và các vấn đề phát triển.

43. Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm

Dinh dưỡng và An toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) là học phần cơ sở ngành cung cấp lĩnh vực kiến thức có ứng dụng rộng rãi trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người liên quan đến dinh dưỡng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các chất dinh dưỡng trong các loại thực phẩm phổ biến, và các vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng liên quan đến mất cân bằng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên có khả năng đánh giá tình trạng dinh dưỡng cũng như những điều kiện đảm bảo trong công tác quản lý vệ sinh phòng chống ngộ độc thực phẩm trong cộng đồng.

44. Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng

Giới thiệu quá trình khuyết tật: bệnh, khiếm khuyết, giảm chức năng, khuyết tật, phục hồi chức năng và các hình thức phục hồi chức năng, cách phục hồi chức năng các bệnh thường gặp gây khó khăn vận động và tinh thần cho người bệnh.

45. Nhân học và xã hội học sức khỏe

Nội dung gồm những kiến thức và khả năng phân tích các vấn đề sức khỏe và bệnh tật một cách khái quát; xác định các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe trong quá trình xây dựng các chương trình can thiệp của Y tế công cộng.

46. Nghiên cứu định tính

Học phần này thuộc Kiến thức ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu định tính, kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện nghiên cứu định tính một cách độc lập hoặc liên kết với các nhóm ngành; thiết kế các chương trình y tế phù hợp với văn hóa và bối cảnh địa phương, định hướng cho các nghiên cứu chuyên biệt, hoặc thực hiện đánh giá định tính các chương trình y tế.

47. Sức khỏe lứa tuổi

Học phần Sức khỏe lứa tuổi cung cấp cho sinh viên các vấn đề sức khỏe thường gặp theo lứa tuổi: người cao tuổi, vị thành niên, sức khỏe tuổi học đường. Phân tích nguyên nhân và các yếu tố liên quan theo từng vấn đề sức khỏe, và đề xuất các biện pháp dự phòng phù hợp với các điều kiện về kinh tế văn hoá và các điều kiện y tế. Phần thực hành của học phần giúp sinh viên tiếp cận đánh giá thực tế môi trường học tập và chăm sóc sức khỏe học đường cũng như các chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trong hệ thống y tế địa phương.

48. Y học gia đình

Nội dung bao gồm các nguyên lý của y học gia đình và việc ứng dụng các nguyên tắc chính vào công tác chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tư vấn và dự phòng một số bệnh và cấp cứu thường gặp cho cá nhân, gia đình và một nhóm dân cư tại cộng đồng tại phòng khám ngoại trú. Ngoài ra, sinh viên còn ứng dụng kiến thức được học và y học chứng cứ để lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và gia đình dưới góc độ của cử nhân YTCC.

49. Thực tập cộng đồng 1 (Tiếp xúc cộng đồng và điều tra sức khỏe tại cộng đồng)

Học phần thực tập cộng đồng I về tiếp xúc cộng đồng và tổ chức cuộc điều tra sức khỏe: giúp sinh viên được làm quen với các điều kiện sống, tình hình sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng. Ngoài ra, học phần Thực tập cộng đồng I tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với thực tế công việc của cán bộ y tế tuyến huyện và xã, thực hành phương pháp tiếp cận cộng đồng, làm việc nhóm, thực hành điều tra sức khỏe cộng đồng và bước đầu thực hành giáo dục sức khỏe, giáo dục vệ sinh môi trường, dinh dưỡng và sức khỏe.

50. Thực tập cộng đồng 2 (Xây dựng kế hoạch can thiệp vấn đề y tế)

Thực tập cộng đồng II là cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp và kế hoạch giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định.

51. Thực tập cộng đồng 3 (Tổ chức hoạt động của cơ sở y tế tuyến tỉnh/thành phố)

Học phần thực tập cộng đồng III sinh viên được học tập và làm việc tại một cơ sở y tế tuyến tỉnh và trung tâm y tế huyện. Sinh viên sẽ tham quan học tập về cơ cấu tổ chức và tham gia các hoạt động tại cơ sở y tế tỉnh. Tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, huy động cộng đồng, xác định các vấn đề sức khỏe ưu tiên và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã được xác định. Sinh viên có cơ hội áp dụng và phát triển những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được từ những năm trước trong lĩnh vực cụ thể phù hợp với định hướng đã chọn vào hoàn cảnh thực tế tại đơn vị sinh viên thực tập.

52. Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm

Môn học Dịch tễ học (DTH) bệnh không truyền nhiễm sẽ giúp sinh viên hiểu về thực trạng, các yếu tố quyết định và các nguyên lý xây dựng và vận hành hệ thống giám sát các

bệnh không truyền nhiễm từ đó đưa ra những biện pháp phòng, giám sát và kiểm soát các bệnh này trong cộng đồng một cách có hiệu quả.

53. Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm

Học phần này cung cấp cho sinh viên sẽ cung cấp cho sinh viên những nội dung liên quan tới bệnh truyền nhiễm quan trọng trên thế giới và ở Việt Nam; nguồn lây bệnh; phương thức lây truyền và môi trường gây bệnh; những vấn đề liên quan tới hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam và những biện pháp kiểm soát các bệnh này. Sinh viên được học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các trạm y tế xã/phường và cộng đồng.

54. Thống kê dân số y tế

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm các phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu của thống kê dân số, tính toán các đặc trưng dân số và cách thức lập các báo cáo thống kê của ngành y tế và DS-KHHGD. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về thống kê dân số y tế có thể vận dụng các kiến thức được học vào việc lập các báo cáo thống kê chuyên ngành y tế và DS-KHHGD hiện hành, có thể vẽ được tháp dân số, sự báo dân số của địa phương.

55. Truyền thông dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm kiến thức cơ bản về truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD). Nội dung của học phần bao gồm lý thuyết và kỹ năng truyền thông, vận động, truyền thông thay đổi hành vi và tư vấn về DS-KHHGD; lý thuyết và các kỹ năng cần thiết về truyền thông giáo dục sức khỏe, DS-KHHGD; xây dựng và tổ chức, thực hiện các chiến dịch truyền thông về DS-KHHGD tại cộng đồng.

56. Chính sách dân số

Học phần này giúp cho người học có được những kiến thức cơ bản về chính sách dân số của Việt Nam và một số nước trong khu vực. Nội dung của học phần này bao gồm quan điểm, đường lối về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) của Đảng và Nhà nước, nội dung, đặc điểm và quá trình xây dựng chính sách dân số ở VN; Những bài học kinh nghiệm về việc áp dụng chính sách DS ở một số nước trong khu vực và ở VN.

57. Tiêm chủng mở rộng và vắc xin trong công tác phòng chống dịch bệnh

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về tiêm chủng mở rộng, cách tổ chức thực hiện và giám sát buổi tiêm chủng, xử lý các tai biến trong quá trình tiêm chủng. Các kiến thức cơ bản về vắc xin, nguyên lý miễn dịch của vắc xin, cách thức bảo quản và vận chuyển vắc xin. Các kiến thức và kỹ năng để có thể tham gia vào các hoạt động tại các Trung tâm y tế dự phòng kiểm soát và phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm.

58. Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm – Sức khỏe môi trường – Sức khỏe nghề nghiệp

Học phần này là học phần kiến thức ngành tự chọn. Phần Dinh dưỡng an toàn thực phẩm nhằm cung cấp những biện pháp can thiệp dinh dưỡng nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng cộng đồng. Đồng thời tạo điều kiện thực tế cho sinh viên tham gia các hoạt động thăm định, thanh tra, kiểm tra, giám sát những điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh thực phẩm.

Học phần Quản lý Nguy cơ SKMT-NN nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể lượng giá và đưa ra các giải pháp quản lý hiệu quả các nguy cơ SKMT-NN.

59. Truyền thông giáo dục sức khỏe

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên, phân tích vấn đề trong bối cảnh cụ thể để từ đó xác định được nguyên nhân, nguy cơ, yếu tố ảnh hưởng về sức khỏe, trên cơ sở đó hình thành các mục tiêu chương trình. Các chiến lược hay giải pháp hữu hiệu từ đó được cân nhắc, lựa chọn phù hợp với năng lực của tổ chức và mối quan tâm và ảnh hưởng của các bên liên quan, từ đó có thể lập được kế hoạch hoạt động cụ thể, khả thi và có thể đánh giá một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tăng cường năng lực của cộng đồng để cùng với các bên liên quan triển khai thực hiện chương trình nâng cao sức khỏe (NCSK) cũng là những khía cạnh nội dung quan trọng được đề cập trong học phần này.

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết để tham gia lập kế hoạch, thực hiện, viết báo cáo và phổ biến kết quả đánh giá chương trình giáo dục và nâng cao sức khỏe (NCSK).

60. Dân số KHHGD – Sức khỏe sinh sản - HIV/AIDS

Học phần Dân số - Sức khỏe sinh sản – HIV/AIDS nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về thống kê DS-KHHGD và về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác dân số ở tuyến cơ sở, các kỹ năng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, và các kỹ năng giám sát và truyền thông về HIV/AIDS. Ngoài kiến thức giảng viên truyền đạt trên lớp, người học phải tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Học phần này có liên quan mật thiết với nhiều học phần khác như Xã hội học sức khỏe, Dân số và phát triển, KHHGD, sức khỏe sinh sản, Truyền thông về DS-KHHGD, Chính sách y tế...

61. Kiến thức chuyên ngành tổng hợp

Kiến thức chuyên ngành tổng hợp bao gồm dịch tễ học, thống kê dân số, tổ chức quản lý y tế, giáo dục nâng cao sức khỏe, sức khỏe môi trường, sức khỏe nghề nghiệp và dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm

11. Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được công nhận là đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo nghị quyết 05/NQ-HĐKĐCLGD, ngày 22/4/2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.